

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ 1
MÔN CÔNG NGHỆ 11
Năm học 2023 - 2024

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu 1 : Đâu là vai trò của chăn nuôi đối với đời sống kinh tế - xã hội?

- A. Phục vụ cho tham quan, du lịch, lưu giữ nét văn hóa truyền thống.
- B. Cung cấp thiết bị cho các ngành nghề khác.
- C. Thúc đẩy sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống.
- D. Giảm sức lao động, tăng năng suất và tiết kiệm tài nguyên.

Câu 2: Bác Thành phân loại vật nuôi như sau:

- (1). Gà lấy trứng (2). Heo lấy thịt (3). Cừu lấy lông

Bác Thành phân loại vật nuôi của mình theo tiêu chí

- A. theo nguồn gốc
- B. theo đặc tính sinh học
- C. theo mục đích sử dụng
- D. theo hướng xuất khẩu

Câu 3: Trong công tác giống vật nuôi, ứng dụng công nghệ gen nhằm

- A. phát hiện sớm giới tính của phôi, chủ động lựa chọn giới tính phù hợp nhu cầu chăn nuôi.
- B. giúp tang nhanh đàn bò thịt hoặc bò sữa chất lượng cao.
- C. giảm số lượng vật nuôi được giống.
- D. giải phóng bớt sức lao động cho người chăn nuôi.

Câu 4: Ý nào dưới đây là phù hợp nhất để mô tả phương thức nuôi bán công nghiệp (bán chăn thả)?

- A. Là dạng kết hợp của nuôi chăn thả tự do và nuôi công nghiệp.
- B. Là phương thức chăn nuôi chỉ áp dụng cho gia súc.
- C. Là phương thức chăn nuôi chỉ áp dụng cho gia cầm.
- D. Là phương thức chăn nuôi ghép nhiều loại gia súc, gia cầm.

Câu 5: Ý nào sau đây *không phải* là yêu cầu cơ bản đối với người lao động làm việc trong ngành chăn nuôi?

- A. Có kiến thức, kỹ năng về chăn nuôi.
- B. không cần chú ý đến môi trường trong chăn nuôi.
- C. Tuân thủ an toàn lao động.
- D. Chăm chỉ trong công việc

Câu 6: Đâu *không* phải ý nghĩa của việc bảo quản thức ăn chăn nuôi?

- A. Đảm bảo chất lượng thức ăn, giúp thức ăn giữ được giá trị dinh dưỡng, giảm thiệt hại do hư hỏng và an toàn cho vật nuôi.
- B. Tăng sức cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành.
- C. Dự trữ thức ăn trong thời gian cho phép.
- D. Tiết kiệm chi phí thức ăn.

Câu 7: Ý nào dưới đây *không* thích hợp với nơi bảo quản thức ăn chăn nuôi?

- A. Có ánh nắng chiếu trực tiếp.
- B. Cao ráo, khô, thoáng khí.
- C. Tránh nắng, mưa.
- D. Tránh sự xâm hại của côn trùng, chuột.

Câu 8: Vai trò của giống trong chăn nuôi là?

- A. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.
- B. Giống vật nuôi quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi.
- C. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi.
- D. Giống chỉ quyết định đến năng suất chăn nuôi.

Câu 9: Cho các đặc điểm sau:

- (1). Dễ tiến hành (2). Hiệu quả chọn lọc cao. (3). Không tốn kém

Đâu là đặc điểm của phương pháp chọn lọc hàng loạt

- A. (1), (2).
- B. (2), (3)
- C. (1), (3).
- D. (3).

Câu 10: Vai trò của Vitamin đối với vật nuôi là

- A. cung cấp năng lượng.
- B. điều hoà quá trình trao đổi chất trong cơ thể
- C. tham gia tạo nên thịt, trứng, sữa...
- D. tích lũy năng lượng.

Câu 11: Nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi là

- A. lượng các chất dinh dưỡng cần cung cấp cho vật nuôi để duy trì sự sống.

- B. lượng các chất dinh dưỡng cần cung cấp cho vật nuôi để tạo sản phẩm
- C. lượng các chất dinh dưỡng cần cung cấp cho vật nuôi để sản xuất thịt, trứng, sữa...
- D. lượng các chất dinh dưỡng cần cung cấp cho vật nuôi để duy trì sự sống và tạo sản phẩm.

Câu 12: Ví dụ nào thể hiện khẩu phần ăn của vật nuôi

- A. Năng lượng 3000 Kcalo.
- B. P 13g, Vitamin A.
- C. Tầm 1.5kg, bột sắn 0.3 kg.
- D. Fe 13g, NaCl 43g.

Câu 13: Ý nào sau đây sai

- A. Carbohydrat cung cấp năng lượng chủ yếu cho vật nuôi.
- B. Khoáng đa lượng như Ca, P, Mg, Na....là thành phần cấu trúc bắt buộc của các loại enzym.
- C. Khoáng đa lượng như Ca, P, Mg, Na....tạo nên các hợp chất xây dựng cấu trúc tế bào, cơ quan...
- D. Khoáng vi lượng như Fe, Cu, Co, Mn....là thành phần cấu trúc bắt buộc của một số loại enzym.

Câu 14: Một số phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến:

- A. sản xuất thức ăn truyền thống.
- B. sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh
- C. sản xuất thức ăn truyền thống và thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh
- D. sản xuất thức ăn dạng viên.

Câu 15: Bước đầu tiên trong quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp là gì?

- A. Làm sạch nguyên liệu.
- B. Lựa chọn nguyên liệu chất lượng tốt.
- C. Cân đo theo tỉ lệ.
- D. Sấy khô.

Câu 16: Đây là nhóm thức ăn giàu protein cho vật nuôi?

- A. hạt ngũ cốc và các loại củ
- B. bột xương, bột vỏ sò, bột đá
- C. bột cá, bột thịt, đậu tương, khô dầu đậu tương, khô dầu lạc...
- D. rau xanh

Câu 17: Nhu cầu Vitamin của vật nuôi phụ thuộc vào những yếu tố nào?

- A. độ tuổi, tình trạng sinh lí, giai đoạn sản xuất và năng suất của vật nuôi
- B. giống loài, giai đoạn sinh trưởng
- C. độ tuổi, tình trạng sinh lí, giai đoạn sinh trưởng của vật nuôi
- D. giống loài, độ tuổi, năng suất của vật nuôi

Câu 18: Các bước sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột?

- A. Lựa chọn nguyên liệu → Làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ → Phối trộn nguyên liệu → Đóng bao, bảo quản, tiêu thụ.
- B. Lựa chọn nguyên liệu → Làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ → Phối trộn nguyên liệu → Hạ nhiệt độ, làm khô → Đóng bao, bảo quản, tiêu thụ.
- C. Lựa chọn nguyên liệu → Làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ → Phối trộn nguyên liệu → Tăng nhiệt độ, ép viên → Đóng bao, bảo quản, tiêu thụ.
- D. Lựa chọn nguyên liệu → Làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ → Đóng bao, bảo quản, tiêu thụ.

Câu 19: Cho các dữ liệu sau:

- 1. phương pháp vật lý
- 2. phương pháp hoá học
- 3. phương pháp đường hoá
- 4. phương pháp vi sinh vật

Các phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi phổ biến là

- A. 1, 2, 3.
- B. 2, 3, 4.
- C. 1, 2, 4.
- D. 1, 3, 4.

Câu 20: Ưu điểm của phương pháp nấu chín thức ăn chăn nuôi

- A. giúp biến đổi đường đa thành đường đơn.
- B. giúp khử các chất độc.
- C. giúp dịch tiêu hoá thấm đều thức ăn.
- D. tăng hàm lượng nitrogen trong thức ăn.

Câu 21: Tiêu chuẩn ăn là gì?

- A. Là nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi trong một ngày.
- B. Là nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi trong một ngày đêm.
- C. Là nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi trong hai ngày đêm.
- D. Cả A và B

Câu 22: Ưu điểm của phương pháp xử lý kiềm cho thức ăn chăn nuôi

- A. giúp biến đổi đường đa thành đường đơn.
- B. giúp khử các chất độc.
- C. giúp dịch tiêu hoá thấm đều thức ăn.
- D. tăng hàm lượng nitrogen trong thức ăn.

Câu 23: Với nguyên liệu như rơm rạ nên chọn phương pháp chế biến nào sau đây?

- A. nghiền nhỏ. B. xử lý kiềm. C. đường hoá. D. sử dụng vi sinh vật.

Câu 24: Trong phương pháp chế biến thức ăn bằng công nghệ vi sinh tại sao ở bước Ủ thức ăn, cần phải đậy kín?

- A. để sản phẩm có mùi đặc trưng. B. tạo môi trường thiếu khí để vi sinh vật lên men.
C. để ruồi, kiến không lọt vào. D. tạo môi trường hiếu khí để vi sinh vật lên men.

Câu 25: Có mấy vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi?

- A.1 B. 2 C. 3 D.4

Câu 26: Chọn phát biểu sai:

- A. Nhân bản vô tính được ứng dụng trong công tác bảo tồn và phát triển các giống vật nuôi bản địa đang có nguy cơ tuyệt chủng.
B. Cây truyền phôi có ý nghĩa trong công tác bảo tồn vật nuôi quý hiếm.
C. Thụ tinh trong ống nghiệm có tác dụng tạo ra nhiều phôi, phổ biến nhanh những đặc điểm di truyền tốt của vật nuôi.
D. Nhược điểm của thụ tinh nhân tạo là khó phòng tránh được các bệnh về đường sinh dục và các bệnh truyền nhiễm qua đường sinh dục.

Câu 27: Cho các ý sau:

1. Cây phôi vào cơ thể vật nuôi
2. Hút trứng từ buồng trứng của con cái, nuôi trứng trưởng thành
3. Cho trứng và tinh trùng thụ tinh
4. Lấy tinh trùng từ con đực
5. Nuôi cấy phôi
6. Nuôi cấy trứng trong phòng thí nghiệm

Sắp xếp thứ tự đúng các công việc cần làm để tiến hành thụ tinh trong ống nghiệm.

- A. 2; 4; 6; 3; 5; 1 B. 2; 6; 4; 3; 5; 1
C. 2; 3; 4; 5; 6; 1 D. 1; 6; 4; 3; 5; 2

Câu 28: Ý nghĩa của thụ tinh trong ống nghiệm:

- A. Tăng số lượng con sinh ra từ một con cái giống cao sản.
B. Có khả năng tạo ra nhiều phôi
C. Tăng hiệu quả của công nghệ cấy truyền phôi khi xác định được giới tính trước khi cấy.
D. Rút ngắn thời gian chọn tạo giống mới.

Câu 29: Bệnh là gì?

- A. Trạng thái không bình thường của vật nuôi.
B. Trạng thái mà vật nuôi sinh trưởng nhanh.
C. Trạng thái mà vật nuôi sinh trưởng bình thường.
D. Trạng thái mà vật nuôi vẫn có thể sản xuất.

Câu 30 : Vì sao phòng bệnh lại có vai trò tăng sức đề kháng cho vật nuôi

- A. không làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của vật nuôi.
B. làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của vật nuôi.
C. không làm vật nuôi chậm lớn.
D. không làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của vật nuôi và không làm vật nuôi chậm lớn.

Câu 31: Đâu không phải là một bệnh ở vật nuôi?

- A. Bệnh tai xanh B. Bệnh dịch tả
C. Bệnh đạo ôn D. Bệnh tụ huyết trùng

Câu 32: Đối với bệnh dịch tả lợn cổ điển thì con đường chính mà mầm bệnh xâm nhập vào vật nuôi là:

- (1). Đường tiêu hoá (2). Đường hô hấp (3). Qua da có các vết thương trầy xước.
(4). Đường sinh dục

- A. (1), (2), (3) B. (1), (3), (4) C. (2), (3), (4) D. (1), (2), (4)

Câu 33: Protein có tác dụng:

- A. Tổng hợp các hoạt chất sinh học. B. Trao đổi chất.

C. Tính bằng UI.

D. Tổng hợp protit.

Câu 34: “Lai giữa lợn đực ngoại Yorkshire với lợn cái Móng Cái để tạo ra con lai F1 có khả năng sinh trưởng nhanh, tỉ lệ nạc cao và thích nghi với điều kiện chăn nuôi của Việt Nam.” là ví dụ về phương pháp lai nào?

A. Lai cải tiến

B. Lai thuần chủng

C. Lai kinh tế phức tạp

D. Lai kinh tế đơn giản

Câu 35: Đặc điểm nào **không** phải là đặc điểm của phương pháp lai cải tạo?

A. Giống đi cải tiến chỉ được dùng một lần để tạo con lai F1

B. Con lai F1 lai trở lại với giống cần cải tiến một hoặc nhiều lần. Trong quá trình này tiến hành đánh giá các đặc điểm đang muốn cải tiến, chọn lọc những cá thể đạt yêu cầu.

C. Chỉ dùng những vật nuôi cùng giống để lai tạo.

D. Giống cải tiến (con lai) cơ bản giữ được đặc điểm của giống và được bổ sung thêm đặc điểm cần có của giống đi cải tiến.

Câu 36: “Lai giữa gà trống Hồ với gà mái Lương Phượng để tạo ra con lai F1, sau đó con mái F1 được cho lai với con trống Mía để tạo ra con lai F2 (Mía x Hồ x Phượng) là giống gà thịt lông màu thả vườn”. Đây là ví dụ về phương pháp lai nào?

A. Lai kinh tế phức tạp

B. Lai kinh tế đơn giản

C. Lai cải tiến

D. Lai thuần chủng

Câu 37: Lai cải tiến là gì ?

A. Là phương pháp lai khi mà vật nuôi đã đáp ứng đủ nhu cầu nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tiến

B. Là phương pháp lai giữa các cá thể khác giống để tạo ra con lai có khả năng sản xuất cao hơn.

C. Là phương pháp lai khi mà vật nuôi chỉ có được một số đặc điểm tốt nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tạo để giống vật nuôi trở nên hoàn thiện hơn.

D. Là phương pháp lai giữa 2 cá thể cùng giống

Câu 38: Lai xa là gì ?

A. Là phương pháp lai giữa các cá thể khác giống để tạo ra con lai có khả năng sản xuất cao hơn.

B. Là phương pháp lai khi mà vật nuôi chỉ có được một số đặc điểm tốt nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tạo để giống vật nuôi trở nên hoàn thiện hơn

C. Là lai giữa các cá thể của hai loài khác nhau với mục đích tạo ra ưu thế lai với những đặc điểm tốt hơn bố mẹ.

D. Là phương pháp lai khi mà vật nuôi đã đáp ứng đủ nhu cầu nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tiến

Câu 39: Hiện nay các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp hiện đại đang hướng đến tiêu chí 3 “không”:

A. Không tiền, không nói chuyện, không giải quyết vấn đề.

B. Không ăn, không uống, không làm sao.

C. Không bụi, không mùi và không chất thải.

D. Không chất cấm, không ô nhiễm môi trường, không phá sản.

Câu 40: Khi ủ men bột sắn thì khi ủ xong phải có màu gì?

A. Vàng nâu.

B. Vàng ươm.

C. Vàng rom.

D. Trắng xám.

II. PHẦN TỰ LUẬN:

- Phân tích vai trò của nhóm thức ăn giàu năng lượng và giàu prôtêin đối với vật nuôi sinh sản.

- Đề xuất phương pháp và thiết lập quy trình bảo quản một loại thức ăn chăn nuôi phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương em.

- Chế biến được một loại thức ăn vật nuôi phù hợp với thực tiễn của gia đình, địa phương.

- Đề xuất được biện pháp công nghệ sinh học ứng dụng trong nhân giống vật nuôi phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương.

HẾT

Chúc các em thi tốt